

TĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 269/BC-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO TÓM TẮT

Nghiên cứu, sửa đổi toàn diện dự án Luật Kế toán

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	CS: 5
	Ngày: 26/4/2025

Kính gửi: - Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 về Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Chính phủ báo cáo tóm tắt về việc nghiên cứu, sửa đổi toàn diện dự án Luật Kế toán như sau:

A. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, NGHIÊN CỨU TOÀN DIỆN LUẬT KẾ TOÁN NĂM 2015

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI RÀ SOÁT, NGHIÊN CỨU

1. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát, nghiên cứu

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 (sau đây gọi tắt là Luật Kế toán năm 2015. Sau 6 năm thực hiện, từ năm 2022, Chính phủ đã triển khai công tác tổng kết, đánh giá thi hành Luật Kế toán năm 2015, đồng thời tổ chức nhiều cuộc hội thảo để lấy ý kiến, đánh giá về những vướng mắc, hạn chế của Luật Kế toán năm 2015. Ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 56/2024/QH15, theo đó tại Điều 2 Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định mang tính cấp bách để thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

Chính phủ nhận thấy do Luật đã ban hành khá lâu, trong khi Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách mới như khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...; đồng thời nền kinh tế có nhiều biến động, nên Luật Kế toán năm 2015 đã bộc lộ một số hạn chế nhất định. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện mục tiêu cải cách thể chế một cách toàn diện, khơi thông các điểm nghẽn, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần thiết phải tiến hành nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Kế toán năm 2015.

2. Quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ rà soát, nghiên cứu

Triển khai nhiệm vụ nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Kế toán năm 2015, Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo Bộ Tài chính thực hiện các công việc, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

(1) Nghiên cứu, xây dựng nội dung tổng kết thi hành Luật Kế toán năm 2015 tại Báo cáo số 216/BC-BTC ngày 31/8/2024 tổng kết thi hành Luật Chứng khoán;

Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia.

(2) Nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ Báo cáo số 265/BC-BTC ngày 16/10/2024 về kết quả nghiên cứu, rà soát Luật Kế toán.

(3) Nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ Báo cáo số 69/BC-BTC ngày 10/3/2025 về nghiên cứu, sửa đổi toàn diện dự án Luật Kế toán.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, NGHIÊN CỨU

1. Đánh giá kết quả đạt được trong thi hành Luật Kế toán năm 2015

a) Đánh giá chung

Việc ban hành Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành trong khoảng thời gian gần 10 năm qua đã tạo cơ sở pháp lý để kế toán thực hiện vai trò là công cụ quản lý kinh tế quan trọng và chức năng tạo lập hệ thống thông tin về kinh tế - tài chính - ngân sách phục vụ cho việc điều hành và quyết định kinh tế của Nhà nước cũng như của mỗi đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, Luật Kế toán năm 2015 vẫn còn nhiều vấn đề cần được giải quyết để phù hợp với yêu cầu quản lý và tình hình thực tiễn, góp phần thực hiện mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

b) Đánh giá việc thực hiện một số quy định cụ thể trong Luật Kế toán năm 2015

(1) *Về nội dung công tác kế toán, công tác kiểm tra kế toán, kiểm kê tài sản, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán và công việc kế toán trong trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản:* Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, các đơn vị kế toán nhà nước phù hợp với từng lĩnh vực theo quy định của Luật Kế toán năm 2015. Ngoài ra, Luật đã bước đầu có quy định về cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác kế toán; về các nội dung kiểm tra kế toán, thời gian kiểm tra kế toán, quyền và trách nhiệm của đoàn kiểm tra kế toán, quyền và trách nhiệm của đơn vị kế toán được kiểm tra kế toán. Luật cũng đã quy định các trường hợp phải kiểm kê tài sản, các nội dung chính của việc bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán trong đó có thời hạn lưu trữ tài liệu, trách nhiệm của đơn vị kế toán trong trường hợp tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại. Đồng thời, khi phát sinh các trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản trong thực tế, các đơn vị căn cứ quy định của Luật Kế toán năm 2015 đã tổ chức thực hiện các công việc kế toán, để thực hiện kết thúc hoạt động tại các đơn vị cũ và tổ chức hoạt động tại các đơn vị mới theo quy định của pháp luật.

(2) *Về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán:* Luật Kế toán năm 2015 đã có một số quy định về việc đơn vị kế toán phải tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán; việc tổ chức bộ máy, bố trí người

làm kế toán, kế toán trưởng, phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán, kế toán trưởng thực hiện theo quy định của Chính phủ.

(3) *Về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán:* Luật Kế toán năm 2015 đã thể hiện các nội dung về dịch vụ kế toán trong điều kiện hội nhập. Với mục tiêu hội nhập kinh tế nói chung và lĩnh vực kế toán nói riêng, quy định của Luật về cơ bản được quy định tương đối đầy đủ, rõ ràng, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán. Với việc triển khai Luật Kế toán năm 2015, thị trường dịch vụ kế toán Việt Nam đã đạt những kết quả đáng ghi nhận, từng bước đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xã hội.

(4) *Về công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực kế toán:* Luật Kế toán năm 2015 quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kế toán. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kế toán; Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về kế toán trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về kế toán tại địa phương.

(5) *Về hệ thống chuẩn mực kế toán:* Về chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2005, Bộ Tài chính đã ban hành 26 chuẩn mực kế toán doanh nghiệp. Hệ thống 26 chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán đã đóng góp đáng kể vào việc quản trị, điều hành của các doanh nghiệp, phản ánh được nhiều giao dịch của nền kinh tế thị trường, phù hợp với yêu cầu quản lý của Nhà nước trong giai đoạn cải cách và hội nhập kinh tế thế giới. Về chuẩn mực kế toán công, ngày 31/7/2019, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1299/QĐ-BTC phê duyệt Đề án xây dựng và công bố chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam. Thực hiện kế hoạch của Đề án, đến tháng 6/2024 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định công bố 16 chuẩn mực kế toán công Việt Nam.

(6) *Về báo cáo tài chính Nhà nước và kiểm toán nội bộ:* Về cơ bản, báo cáo tài chính Nhà nước đã cung cấp thông tin về tình hình thu, chi ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước, nợ công, vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, tài sản, nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn của Nhà nước. Điều 39 Luật Kế toán năm 2015 đã quy định về kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, trong đó có giao cho Chính phủ quy định chi tiết về kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Bộ Tài chính cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực kiểm toán nội bộ và quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ cho các đơn vị.

(7) *Về hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp và nguồn nhân lực kế toán:* Trong những năm gần đây Bộ Tài chính đã thực hiện tăng cường quản lý nhà nước về kế toán trên cơ sở đổi mới cơ chế hoạt động, đồng thời nâng cao chất lượng quản lý nghề nghiệp phù hợp với thông lệ quốc tế, phát triển đội ngũ người làm kế toán trong các lĩnh vực kế toán nhà nước, kế toán doanh nghiệp; đội ngũ kiểm toán viên, kế toán viên hành nghề có trình độ chuyên môn, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp tốt.

(8) *Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kế toán:* Sau hơn 20 năm, hội nhập trong lĩnh vực kế toán, Việt Nam đã có những thay đổi cơ bản về các quy định

trong khung pháp lý, hướng đến mục tiêu cho phát triển ngành nghề và dịch vụ kế toán - kiểm toán. Bộ Tài chính, các tổ chức nghề nghiệp thường xuyên tham gia Hội nghị, hội thảo quốc tế, khu vực về kế toán.

(9) *Về việc ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động khác:* Tại các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, đã triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý và tổ chức thực hiện công tác kế toán, phù với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Tại cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị thu, chi ngân sách nhà nước đã thực hiện cải cách hành chính một cách thực chất với các giải pháp cụ thể, thiết thực.

2. Về bất cập, hạn chế và nguyên nhân của bất cập, hạn chế

a) Về bất cập, hạn chế

(1) *Về quan điểm xây dựng Luật Kế toán năm 2015:* Luật Kế toán năm 2015 được xây dựng trên quan điểm đưa vào một số quy định mang tính kỹ thuật chi tiết mà có thể quy định tại các văn bản dưới Luật như: Các quy định về nội dung và đối tượng công tác kế toán (chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài khoản kế toán...), kế toán trong các trường hợp sáp nhập, hợp nhất, giải thể... là các tác nghiệp kế toán cụ thể thuộc thẩm quyền hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(2) *Về sự nhất quán với các quy định khác của pháp luật:* Trong thời gian vừa qua, quy định pháp luật liên quan đã có một số thay đổi liên quan đến tên gọi các đơn vị thuộc khu vực công khác với Luật Kế toán năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng định nghĩa các tổ chức tín dụng là tổ chức kinh tế nhưng Luật Kế toán năm 2015 chưa có đối tượng áp dụng là các tổ chức kinh tế. Vì vậy đối tượng áp dụng Luật Kế toán năm 2015 hiện nay có sự khác biệt với các quy định khác của pháp luật. Vì vậy, Luật Kế toán năm 2015 cần được sửa đổi để đảm bảo phù hợp, tránh gây xung đột với các quy định khác của pháp luật.

(3) *Về một số khái niệm trong Luật Kế toán năm 2015:* Một số thuật ngữ chưa phù hợp với thực tiễn, quá trình chuyển đổi số, quan điểm mới trong công tác kế toán hoặc cần phải được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để phù hợp với nội dung sửa đổi Luật; Một số quy định về nhiệm vụ, yêu cầu, nguyên tắc kế toán cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với sự thay đổi của thông lệ quốc tế và thực tiễn; Một số nội dung về đối tượng kế toán, kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết là những nghiệp vụ kỹ thuật cụ thể, không cần quy định trong Luật mà nên được hướng dẫn ở các văn bản dưới luật cho phù hợp với thể thức văn bản.

(4) *Về các quy định chưa thật sự phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số và công nghệ thông tin:* Qua phản ánh của các đơn vị, nhiều quy định của Luật Kế toán năm 2015 còn chưa phù hợp với quá trình tin học hóa và chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán, gây khó khăn trong quá trình thực hiện, tốn kém chi phí, thời gian, giảm hiệu quả hoạt động của đơn vị.

(5) *Về tính minh bạch của báo cáo tài chính:* Do Luật Kế toán năm 2015 chưa quy định rõ cách thức công khai và đối tượng được quyền tiếp cận đối với báo cáo tài chính nên thời gian gần đây một số đơn vị cố tình cản trở quyền tiếp

cận thông tin của người sử dụng BCTC, làm giảm sự minh bạch của các thông tin được công khai.

(6) *Về trách nhiệm người đứng đầu:* Luật Kế toán năm 2015 mới chỉ làm rõ trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật (chỉ phù hợp với các đơn vị thuộc lĩnh vực kinh doanh) mà chưa đề cập đến trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị công nên còn khó quy kết trách nhiệm nếu đơn vị công xảy ra sai phạm. Trách nhiệm đối với người đứng đầu, người đại diện trước pháp luật đối với công tác kế toán còn chưa thật sự rõ nét, dẫn đến khó khăn trong việc xác định trách nhiệm giữa người làm công tác kế toán và người đứng đầu, người đại diện trước pháp luật của đơn vị.

(7) *Về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán:* Hiện nay, Luật Kế toán năm 2015 đã bộc lộ một số bất cập về tổ chức bộ máy kế toán, nhiều đơn vị có quy mô rất nhỏ hoặc nhiều đơn vị công tổ chức mô hình kế toán tập trung, nếu thực hiện theo quy định của Luật thì sẽ không phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy và gây lãng phí, tốn kém cho đơn vị.

(8) *Về kinh doanh dịch vụ kế toán:* Theo quy định của Luật Kế toán năm 2015, kinh doanh dịch vụ kế toán là loại hình kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên quy định này chưa thật sự phù hợp với thông lệ quốc tế do dịch vụ kế toán không phải là loại hình dịch vụ bảo đảm. Việc quy định như luật có thể chưa phù hợp với chủ trương cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính.

(9) *Về bất cập trong công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực kế toán:* Luật Kế toán năm 2015 quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực kế toán của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp còn khá chung chung, gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm quản lý Nhà nước của các cơ quan, làm hạn chế việc chủ động thực thi các nhiệm vụ theo thẩm quyền.

b) Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế

(1) *Các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và sự thay đổi trong các quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước:* Một số nội dung trong Luật Kế toán năm 2015 chưa phù hợp với các quy định khác của pháp luật hiện hành do thời gian vừa qua, pháp luật đã có một số thay đổi liên quan đến tên gọi các đơn vị thuộc khu vực công nên một số thuật ngữ trong Luật Kế toán đã không còn phù hợp. Một số Luật mới được Quốc hội thông qua, như Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024,... có những nội dung liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến quy định của Luật Kế toán năm 2015.

(2) *Những yêu cầu phải thay đổi xuất phát từ thực tiễn khách quan:* Nền kinh tế Việt Nam và thế giới có nhiều biến động, môi trường hoạt động liên quan đến kế toán ở Việt Nam theo đó cũng có nhiều thay đổi. Việc mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế đòi hỏi các cơ chế chính sách về tài chính, kế toán phải được điều chỉnh kịp thời phù hợp với các thành phần kinh tế và các cam kết hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 cùng với quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ làm cho một số quy định về kế toán trong Luật Kế toán năm 2015 hiện hành chưa theo kịp và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

(3) *Hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện quy định của pháp luật về kế toán:* Ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận không nhỏ người đứng đầu các đơn vị, người làm công tác kế toán chưa cao, trong bối cảnh chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe, dẫn đến hậu quả là còn nhiều sai phạm trong công tác kế toán.

B. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI TOÀN DIỆN DỰ ÁN LUẬT KẾ TOÁN

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI TOÀN DIỆN DỰ ÁN LUẬT KẾ TOÁN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý: Việc hoàn thiện pháp luật về tài chính - ngân sách, nhất là pháp luật trong các lĩnh vực như chứng khoán, kế toán, kiểm toán, ngân sách nhà nước rất được Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao để tạo động lực, xung lực mới, đột phá để đưa đất nước phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc.

2. Cơ sở thực tiễn: Trước sự thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội, Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành cũng đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nên cần phải được rà soát, nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung tổng thể và toàn diện. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, Quốc hội đã ban hành nhiều văn bản luật có quy định liên quan đến lĩnh vực kế toán như Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;... Do đó, cần phải rà soát, nghiên cứu để quy định cho đồng bộ, tránh chồng chéo, mâu thuẫn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM SỬA ĐỔI TOÀN DIỆN DỰ ÁN LUẬT KẾ TOÁN

- Thúc đẩy đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước; thực hiện hiệu quả Chiến lược kế toán, kiểm toán đến năm 2030; hoàn thiện thể chế pháp luật trong lĩnh vực kế toán, qua đó tạo hành lang pháp lý đầy đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật, công tác quản lý, kiểm tra, giám sát; thúc đẩy đơn giản hóa thủ tục hành chính và phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số; xóa bỏ cơ chế xin - cho; khơi thông, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tháo gỡ vướng mắc, bất cập tại các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực kế toán.

- Kế thừa và phát huy những quy định hiện hành của Luật Kế toán năm 2015 đã được thực tiễn chứng minh đem lại các tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của đất nước; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

- Đảm bảo sự phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam; đáp ứng yêu cầu tăng cường hội nhập quốc tế phù hợp với xu hướng phát triển.

III. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CẦN NGHIÊN CỨU, LÀM RÕ KHI TIẾN HÀNH SỬA ĐỔI TOÀN DIỆN DỰ ÁN LUẬT KẾ TOÁN

1. Những nội dung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật Kế toán

a) Về thuật ngữ: Qua rà soát, một số thuật ngữ trong Luật Kế toán năm 2015 cần được sửa đổi hoặc thay thế để đảm bảo phù hợp với nội dung mới trong Luật và quan điểm mới trong lĩnh vực kế toán, ví dụ: Các thuật ngữ về báo cáo tài chính, dữ liệu kế toán, xác nhận kế toán... cần được sửa đổi, bổ sung.

b) Về nội dung công tác kế toán:

(1) Bổ cách tiếp cận nội dung công tác kế toán theo 4 nội dung như tại Luật Kế toán năm 2015: bao gồm chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính (Bao gồm: Mục 1,2, 3 Chương II – các Điều từ 16 đến 33 Luật Kế toán năm 2015).

(2) Tiếp cận nội dung công tác kế toán theo hướng quy định nội dung của hệ thống thông tin kế toán, bao gồm các quy định:

(i) Các thông tin đầu vào của hệ thống thông tin kế toán, gồm: Các loại thông tin đầu vào; Yêu cầu của các thông tin đầu vào cho hệ thống thông tin kế toán; Trách nhiệm của đơn vị và các cá nhân trong đơn vị liên quan đến thông tin đầu vào của hệ thống kế toán.

(ii) Xử lý thông tin của hệ thống kế toán: Sử dụng tài khoản kế toán để xử lý thông tin kế toán; Tuân thủ các nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán trong quá trình xử lý thông tin kế toán (đối với kế toán tài chính); Các nguyên tắc liên quan đến ghi sổ kế toán trong quá trình xử lý thông tin kế toán.

(iii) Báo cáo kế toán: Quy định các loại báo cáo kế toán: Báo cáo tài chính (cho mục đích chung và cho các mục đích đặc biệt); Báo cáo kế toán quản trị; Báo cáo tài chính Nhà nước (cho khối các đơn vị công). Ngoài ra cần có quy định không được ngăn cản người sử dụng báo cáo tài chính tiếp cận với thông tin được công khai.

Lý do đề xuất chính sách:

- Đề thúc đẩy chuyển đổi số cũng như minh bạch hóa và nâng cao chất lượng thông tin kế toán.

- Khi hội nhập và cho phép áp dụng IFRS hoặc tiến tới hội tụ IFRS sẽ cần sử dụng rất nhiều loại thông tin để thực hiện các ước tính kế toán và xác định các loại giá được sử dụng trong kế toán.

- Phù hợp với xu hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

c) Về kiểm soát nội bộ:

(1) Bổ sung định nghĩa về kiểm soát nội bộ trong Luật Kế toán sửa đổi để đảm bảo chức năng kiểm soát về tài chính các hoạt động tại đơn vị (thay cho việc bỏ nhiệm vụ kiểm soát của kế toán).

(2) Quy định chức năng, nhiệm vụ, các yếu tố của kiểm soát nội bộ trong đơn vị (khoảng 3 Điều).

(3) Quy định trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc thiết lập, duy trì và vận hành kiểm soát nội bộ trong đơn vị nhằm đảm bảo lập báo cáo tài chính trung thực và hợp lý (1 Điều).

(4) Quy định về kiểm toán nội bộ (với vị trí là một bộ phận cấu thành của kiểm soát nội bộ tại đơn vị) (1 Điều).

Lý do đề xuất chính sách:

- Luật Kế toán năm 2015 quy định nhiệm vụ của kế toán (Điều 4) gồm kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính... Tuy nhiên, việc thực hiện kiểm tra, giám sát tài chính tại các đơn vị về cơ bản thuộc trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị. Việc thực hiện chức năng này tùy thuộc vào quy định nội bộ của các đơn vị khi giao cho các bộ phận chức năng thực hiện (không phải trách nhiệm đương nhiên của kế toán - như trong Luật Kế toán năm 2015). Mặt khác, theo thông lệ quốc tế thì đây cũng là nhiệm vụ của kiểm soát nội bộ trong đơn vị.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các đơn vị tự tổ chức và tự chịu trách nhiệm.

d). Về nâng cao trách nhiệm người đứng đầu đơn vị: Thực tiễn cho thấy, các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán đều gắn liền với việc chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức. Tuy nhiên, Luật quy định về trách nhiệm người đứng đầu đối với các sai phạm trong lĩnh vực kế toán còn mờ nhạt, chỉ được đề cập tại khoản 3 Điều 50.

Lý do đề xuất chính sách:

Để nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, Luật cần sửa đổi theo hướng: Bổ sung đối tượng chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán gồm cả người đại diện theo pháp luật và người đứng đầu cơ quan tổ chức để bao quát hết các loại hình đơn vị; Quy định rõ người đứng đầu, người đại diện trước pháp luật chịu trách nhiệm toàn diện đối với sự trung thực của thông tin tài chính, kế toán do đơn vị công bố, các sai phạm trong công tác kế toán.

2. Những nội dung lược bỏ

a) Nguyên tắc kế toán: Các nguyên tắc kế toán (Điều 6 Luật Kế toán năm 2015) không nên quy định trong Luật để đảm bảo rõ phạm vi, thẩm quyền hướng dẫn của từng loại văn bản quy phạm pháp luật.

b) Đối tượng kế toán: Các quy định về một số nội dung liên quan đến đối tượng kế toán, kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết là các quy định về tác nghiệp cụ thể, thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính hướng dẫn trong Chế độ kế toán, không nên quy định trong Luật

c) Về chữ số sử dụng trong kế toán: Quy định về cách đánh dấu chữ số sử dụng trong kế toán (Điều 11) là các kỹ thuật cụ thể, không nên quy định trong Luật mà cần giao Bộ Tài chính hướng dẫn theo thẩm quyền.

d) Về kỳ kế toán: Quy định cụ thể về kỳ kế toán (Điều 12) là các kỹ thuật cụ thể, không nên quy định trong Luật mà cần giao Bộ Tài chính hướng dẫn theo thẩm quyền.

đ) Về chứng từ kế toán: Một số nội dung liên quan đến chứng từ kế toán (tại các Điều từ 16-21) cần được lược bỏ.

e) Về sổ và tài khoản kế toán: Một số nội dung về sổ và tài khoản kế toán (tại các Điều từ 22-27) cần được lược bỏ.

Lý do đề xuất chính sách: Các quy định trên mang tính các quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính, có thể hướng dẫn tại các Thông tư, không nên đưa vào Luật để đảm bảo phân cấp, phân quyền. Bên cạnh đó, nếu lược bỏ các quy định này và phân quyền cho Bộ Tài chính hướng dẫn thì sẽ tháo gỡ về cơ bản các vướng mắc này.

3. Những nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính

a) Về kinh doanh dịch vụ kế toán: Mô hình quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán cần được rà soát để có sửa đổi theo hướng cắt giảm bớt điều kiện kinh doanh, đơn giản bớt thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, phát triển thị trường kinh doanh dịch vụ kế toán và đảm bảo sự đồng bộ với các pháp luật liên quan, tránh bất cập trong thực tiễn.

Lý do đề xuất chính sách: Với thông lệ quốc tế và các vướng mắc như trên như trên, Việt Nam cần nghiên cứu, xem xét cắt giảm bớt điều kiện đối với loại hình kinh doanh dịch vụ kế toán theo hướng đơn giản hóa điều kiện và thủ tục cấp giấy phép. Như vậy có thể xem xét đơn giản hóa các quy định hiện hành về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh kinh doanh dịch vụ kế toán tại Luật Kế toán năm 2015 gồm các Điều từ 57 đến 69; Sửa đổi các Điều 70 và 71. Ngoài ra, để không buông lỏng việc quản lý Nhà nước cần bổ sung 04 Điều mới quy định đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán.

b) Điều kiện của kế toán trưởng: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 54 Luật Kế toán năm 2015, một trong các tiêu chuẩn, điều kiện của Kế toán trưởng là phải có chứng chỉ kế toán trưởng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các quy định trên tồn tại một số bất cập, hạn chế.

Lý do đề xuất chính sách: Để đảm bảo yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng chất lượng, năng lực chuyên môn của kế toán trưởng, cần bãi bỏ quy định về điều kiện kế toán trưởng là phải có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng. Thay vào đó, cần yêu cầu kế toán trưởng tại các doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị có lợi ích công chúng phải tham gia cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính (tương tự như kiểm toán viên).

4. Những nội dung phân cấp, phân quyền

a) Về nội dung công tác kế toán: Luật cần lược bỏ các quy định thuộc thẩm quyền Chính phủ và Bộ Tài chính hướng dẫn, theo đó phân cấp, giao rõ nhiệm vụ hướng dẫn các tác nghiệp, kỹ thuật kế toán cụ thể cho Bộ Tài chính để hướng dẫn trong các Thông tư cho phù hợp với thẩm quyền và thực tiễn công tác kế toán tại các đơn vị.

b) Về tổ chức nghề nghiệp kế toán: Thực hiện Chiến lược kế toán, kiểm toán đến năm 2030, căn cứ quy định của pháp luật về Hội, cần nghiên cứu chuyển giao dần cho Hội một số công việc theo thông lệ quốc tế để nâng cao hiệu quả hoạt động, như: Tham gia xây dựng và phản biện cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực quản lý, giám sát việc tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp, các chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp của các kế toán viên, kiểm toán viên; kiểm tra chất lượng dịch vụ và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho người hành nghề kế toán, kiểm toán; tổ chức thi và cấp các chứng chỉ nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Về quản lý nhà nước về kế toán: Luật Kế toán năm 2015 cần sửa đổi theo hướng quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực kế toán để đạt mục tiêu tăng cường phân cấp, phân quyền, quy định rõ trách nhiệm ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thanh tra, kiểm tra, giám sát cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

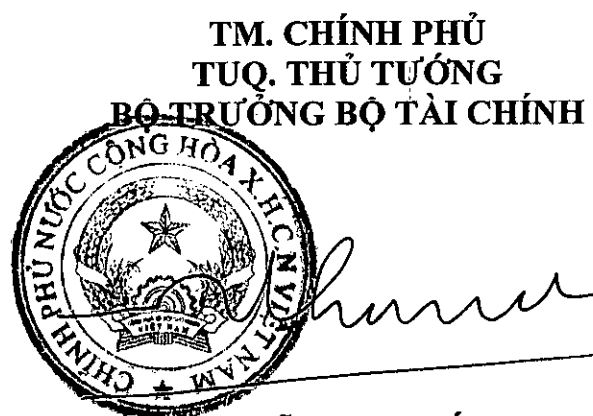
IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua kết quả rà soát, nghiên cứu nêu trên, Chính phủ đề xuất xây dựng dự án Luật Kế toán (sửa đổi), thay thế Luật Kế toán năm 2015. Cụ thể, Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Kế toán (sửa đổi) theo hướng Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc, không cần quá dài. Trên cơ sở được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp thuận chủ trương, Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu, lấy ý kiến các đối tượng liên quan, đánh giá tác động và thực hiện trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng luật, bổ sung Chương trình xây dựng luật trong nhiệm kỳ 2026-2031.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về việc nghiên cứu, sửa đổi toàn diện dự án Luật Kế toán, Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Phạm Minh Chính;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban KT&TC của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: PL, QHDP, TH;
- Lưu: VT, Vụ KTTH (2 b)₃₃



Nguyễn Văn Thắng